TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **335**/2019/HSST
Ngày: 28/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lân – Giáo viên hưu trí

Ông Nguyễn Xuân Tiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thạch Thị Hằng – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số 322/2019/HSST ngày 06/11/2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN V, sinh ngày 11/01/2003; HKTT: Xóm X, xã Y, huyện Z, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Nguyễn Văn H; con bà: Phạm Thị Q. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 492 ngày 26/7/2019 của Công an quận Long Biên lập và L lịch địa phương cung cấp bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về nhân thân:

Bản án số 45/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (hành vi trộm cắp ngày 27/6/2019).

Bản án số 51/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (hành vi trộm cắp ngày 09/7/2019); cộng với 08 tháng tù theo Bản án số 45/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tổng hợp là 17 tháng tù.

Bị cáo hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Nga Sơn, Thanh Hóa tạm giam theo Lệnh tạm giam số 17 ngày 24/7/2019. (Có mặt).

2. ĐẶNG VĂN T, sinh ngày 18/11/2002; HKTT: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Đặng Văn Đ; con bà: Nguyễn Thị L. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 491 ngày 26/7/2019 của Công an quận Long Biên lập và L lịch địa phương cung cấp bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/7/2019 (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo NGUYỄN VĂN V: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1965; trú tại: Xóm X, xã Y, huyện Z, tỉnh V. (bố mẹ đẻ của bị cáo). (Xin vắng mặt). Có mặt ông Phạm Hùng C – Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phường Ngọc Lâm.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo ĐẶNG VĂN T: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh V. (bố mẹ đẻ của bị cáo). (Bà L có mặt, ông Đ vắng mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Hồ Thúy Sen – Trợ giúp viên pháp L - Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Bị hại:

+ Anh Phan Ngọc M, sinh năm 2002; HKTT: Xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phan Lạc H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1979. (bố mẹ đẻ của bị hại) (Ông H có mặt, bà Kh vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1992; HKTT: Xã X, huyện Y, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2019, anh Phan Ngọc Mvà anh Nguyễn Công Đ trình báo vụ việc: Ngày 01/6/2019 tại tầng một và tầng hai phòng trọ nhân viên của nhà hàng Làng Chài thuộc Tổ 27 phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội, anh M và anh Đ bị trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A6 màu đen và 01 chiếc điện thoại Oppo Neo 5 màu trắng.

Nhận được tin báo, cơ quan điều tra xác định: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 31/5/2019, NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T đi xe khách lên Hà Nội để tìm

việc làm. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, V và T đến bến xe Giáp Bát, Hà Nội; sau đó, V cùng T đi xe ôm đến phố Cổ để tìm việc làm, nhưng chưa tìm được. V rủ T đi bộ sang phòng trọ của anh Đàm Đình Q (SN: 1996, HKTT: Xóm Đg Kỳ, xã Thụy An, huyện Ba Vì, Hà Nội) và anh Ngô Khắc Đ (SN: 2002, HKTT: Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa) là bạn của V ở Tổ 27, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội để xin ngủ nhờ và vay tiền chờ xin việc. Khoảng 20 giờ cùng ngày V và T đến phòng trọ nhưng không gặp Q và Đ, nên T và V ngủ lại tại phòng trọ để chờ Q. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi làm về nói với V và T là phòng trọ Đg nhân viên ngủ rồi, không còn chỗ ngủ nữa. Nghe vậy V hỏi vay Q 500.000 đồng nhưng Q nói vợ ốm và đang có thai nên không có tiền. V và T gửi lại ba bô đựng quần áo của V và T tại phòng trọ. Sau đó, cả hai đi bộ ra gầm cầu Long Biên ngủ. Trước khi ngủ V nói với T "trước đây tao đã từng làm nhân viên quán Làng Chài và ở tại phòng trọ, tao hay chơi điện tử về khuya thường trèo vào tầng 2 phòng trọ để ngủ, cửa tầng 2 không chốt. Nhân viên ngủ say để điện thoại lung tung, sáng mai tao với mày quay lại phòng trọ lấy ba lô rồi lấy trộm điện thoại đem bán lấy tiền chơi điện tử, ăn uống, tiêu sài chờ xin việc". T nghe V nói vậy nói "tao không còn gì để mất nữa, mày trèo vào phòng trọ của nhân viên quán Làng chài lấy trộm điện thoại đem bán lấy tiền chơi điện tử, ăn uống, tiêu sài đợi xin việc làm, anh em mình đã nhịn đói hai ngày rồi", V đồng ý. Đến khoảng 5 giờ 30 phút sáng hôm sau ngày 01/6/2019, V cùng T đi bộ quay lại phòng trọ. Khi đến một gốc cây trong ngõ gần phòng trọ, V nói với T "mày đứng ở đây chờ tao, để tao trèo vào phòng trọ lấy ba lô và lấy trộm điện thoại, mày ở đây canh cho tao, nếu có người qua lại thì báo cho tao biết để tránh bị phát hiện", T đồng ý. Sau đó V trèo lên cây đi qua mái Proximang của dãy nhà trọ rồi lẻn từ cửa tầng 2 vào phòng trọ. V đi theo cầu thang xuống tầng một vào phòng ngủ lấy trộm 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo Neo 5, màu trắng của anh Nguyễn Công Đ để ở mặt bàn nhựa đầu giường ngủ cho vào túi quần bên trái đang mặc, rồi quay ra lấy Ba Lô. Sau đó, V đi lên tầng hai lấy trộm 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A6, màu đen của anh Phan Ngọc Mđang ngủ để ở túi quần bên phải gần rơi ra, rồi cho vào túi quần bên trái lẻn ra ngoài. V ném Ba Lô xuống cho T ở dưới bắt, rồi trèo xuống cùng T đi bộ sang phố Cổ phía cầu Chương Dương với mục đích tìm cửa hàng điện thoại bán lấy tiền. Trên đường đi V nói với T lấy trộm được 02 chiếc điện thoại rồi V lấy cả 02 chiếc điện thoại lấy trộm được để kiểm tra thì thấy chiếc điện thoại Samsung A6 có mật khẩu, còn điện thoại Oppo Neo 5 thì bị hỏng không lên nguồn. V bàn với T là phải vào quán Internet tìm hiểu trên mạng cách phá mật khẩu điện thoại mới bán được, nếu không sẽ bị lộ, T đồng ý. Khi đi đến giữa cầu Long Biên, V tháo sim cả hai chiếc điện thoại vứt xuống Sông Hồng để tránh bị phát hiện. Sau đó cả hai đến một quán Internet địa chỉ số 211, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội để tìm cách phá mật khẩu. Sau khi phá xong

mật khẩu, V cùng T vào một cửa hàng điện thoại số 192, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội để bán điện thoại. V và T đã bán chiếc điện thoại Samsung A6 cho anh Dương Văn B (SN: 1976, trú tại số 53, phường Bạch Đằng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) là chủ cửa hàng điện thoại với giá 850.000đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), còn chiếc điện thoại Oppo Neo 5, do không lên nguồn, nên anh B chỉ mua với giá 50.000đồng (năm mươi nghìn đồng), rẻ quá nên T không đồng ý cho V bán và nói giữ lại, sửa để sử dụng. Sau khi bán được điện thoại V cùng T quay lại quán Internet chơi điện tử "Tài Xỉu", ăn uống, hút thuốc lá V chi trả hết 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Đến khoảng gần 13 giờ cùng ngày, T nói với V không chơi điện tử nữa để dành tiền còn ăn uống, không lại tiêu hết, V đồng ý và đưa cho T cầm 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại. Sau khi anh Đ và anh M phát hiện bị mất điện thoại, nhưng lại không thấy túi đồ của V và T gửi ở phòng trọ nên đã nghi ngờ V và T đã lấy trộm điện thoại, đã báo cho anh Q là quản L nhà hàng Làng Chài biết. Anh Q đã nhờ anh Phạm Tiến D (SN: 2001, trú tại xóm Hải Tiến, xã Nga Hải, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa) là bạn của V và T nhắn tin qua ứng dụng Face book để tìm V và T. Anh D đã nhắn tin hẹn gặp V, T để cùng đi xin việc làm, V, T đồng ý rồi hẹn gặp D ở chân cầu Chương Dương bên phía Hoàn Kiếm. V và T đi bộ ra điểm hẹn ngồi quán trà đá ăn uống hết 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng), còn lại 100.000đồng (một trăm nghìn đồng). Đến Khoảng hơn 13 giờ cùng ngày anh D cùng với anh Ngô Khắc Đ (SN: 2002, trú tại xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa) và anh Hỏa Ngọc Nam (SN: 2002, trú tại xóm 2, xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa) đến gặp V, T và hỏi có được lấy trộm điện thoại của nhân viên quán Làng Chài không, V, T biết việc trộm cắp điện thoại đã bị phát hiện không thể chối cãi được, nên đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Sau đó anh Đ gọi điện báo cho anh Q và anh Đ biết và đến gặp V và T. Anh Q đã đưa V với T đi chuộc lại chiếc điện thoại Samsung A6 với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), sau đó đưa V, T cùng toàn bộ tang vật đến Công an phường Ngọc Lâm trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Đàm Đình Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 màu đen đã qua sử dụng; thu giữ của của NGUYỄN VĂN V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 5 màu trắng đã qua sử dụng; thu giữ của ĐẶNG VĂN T số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 144/KL-HĐ ngày 18/6/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Long Biên, Hà Nội kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6 màu đen đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Neo 5 màu trắng đã qua sử dụng trị giá 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Tổng giá trị định giá bằng 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T khai nhận như trên phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 310/CT-VKS-LB ngày 01/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố các bị cáo NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, khi phạm tội và khi xét xử, cả hai bị cáo đều dưới 18 tuổi, bị cáo NGUYỄN VĂN V đóng vai trò là người khởi xướng và thực hành tích cực, bị cáo ĐẶNG VĂN T tham gia với vai trò là người thực hành. Do đó cần xử bị cáo NGUYỄN VĂN V mức hình phạt cao hơn bị cáo ĐẶNG VĂN T.

Ngoài ra, bị cáo NGUYỄN VĂN V còn bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử về hành vi trộm cắp tại Bản án số 45/2019/HSST ngày 11/10/2019 và Bản án số 51/2019/HSST ngày 13/11/2019 (hành vi trộm cắp xảy ra sau hành vi trộm cắp trong vụ án ày). Hình phạt của bị cáo V tại Bản án số 45/2019/HSST ngày 11/10/2019 đã được tổng hợp vào Bản án số 51/2019/HSST ngày 13/11/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử vụ án này, Bản án số 51/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn chưa có hiệu lực pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt khi xét xử bị cáo V trong vụ án này.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hành vi của các bị cáo trong vụ án này là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T do bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo; áp dụng thêm Điều 38

Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo NGUYỄN VĂN V; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo ĐẶNG VĂN T:

Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN V mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị xử phạt bị cáo ĐẶNG VĂN T mức án từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng do các bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTTHS năm 2015. Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng là số tiền các bị cáo do hành vi phạm tội mà có.

Đối với anh Dương Văn B, quá trình điều tra xác định khi mua chiếc điện thoại Samsung A6 do V và T trộm cắp được, anh B không biết là điện thoại do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử L.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh Đàm Quang Q sử dụng để chuộc lại chiếc điện thoại Samsung A6 do V và T đã bán, bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho anh Q. Sau khi nhận lại số tiền trên, anh Q không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại Samsung A6 màu đen là tài sản của anh Phan Ngọc Mvà 01 điện thoại Oppo Neo 5 màu trắng là tài sản của anh Nguyễn Công Đ, ngày 09/10/2019, cơ quan điều tra đã trao trả 02 chiếc điện thoại trên cho anh M và anh Đ. Sau khi nhận lại tài sản, anh M và anh Đ không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm: Khi phạm tội và khi xét xử, các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo ĐẶNG VĂN T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo ĐẶNG VĂN T do đã khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo T được cải tạo bên ngoài xã hội.

Nói lời sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/6/2019 tại nhà hàng Làng Chài thuộc Tổ 27 phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội, NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung A6 màu đen của anh Phạm Ngọc M trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và 01 chiếc điện thoại Oppo Neo 5 màu trắng của anh Nguyễn Công Đ trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T đã chiếm đoạt được là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Hành vi của các bị cáo có đầy đủ dấu hiệu của tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi gây nguy hiểm cho xã hội do mình gây ra.

Hai bị cáo rủ nhau cùng trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng đây là loại đồng phạm giản đơn. Cá thể hóa trách nhiệm hình sự, Tòa án căn cứ vào tính chất, mức đội nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, ngoài ra còn căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo NGUYỄN VĂN V đóng vai trò là người khởi xướng và thực hành tích cực. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp này, trong thời

gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo thực hiện tiếp các hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử tại Bản án số 45/2019/HSST ngày 11/10/2019 (hành vi trộm cắp ngày 27/6/2019) và Bản án số 51/2019/HSST ngày 13/11/2019 (hành vi trộm cắp ngày 09/7/2019). Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu. Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo V cao hơn mức hình phạt của bị báo T, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội và khi xét xử, bị cáo là người dưới 18 tuổi; hành vi trong vụ án này là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại người bị hại nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

ĐẶNG VĂN T tham gia với vai trò là người thực hành. Tuy nhiên, xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng; xét bị cáo ĐẶNG VĂN T là người dưới 18 tuổi, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xem xét mở lượng khoan hồng để bị cáo Đăng Văn T được cải tạo bên ngoài xã hội, cũng có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng do các bị cáo là người dưới 18 tuổi.

[3] Về dân sự: Bị hại là anh Phan Ngọc M và Nguyễn Công Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự nên không HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh Đàm Quang Q sử dụng để chuộc lại chiếc điện thoại Samsung A6 do V và T đã bán, bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho anh Q. Sau khi nhận lại số tiền trên, anh Q không có yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với anh Dương Văn B, quá trình điều tra xác định khi mua chiếc điện thoại Samsung A6 do V và T trộm cắp được, anh B không biết là điện thoại do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử L là có căn cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị về hình phạt chính, không áp dụng hình phạt bổ sung, về dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo NGUYỄN VĂN V và ĐẶNG VĂN T phạm tội **"Trộm cắp tài sản".**

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với hai bị cáo; căn cứ thêm Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo NGUYỄN VĂN V; căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo ĐẶNG VĂN T:

Xử phạt bị cáo NGUYỄN VĂN V 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo ĐẶNG VĂN T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo ĐẶNG VĂN T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cho tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo do phạm tội mà có *(Hiện đang có tại Kho bạc nhà nước quận Long Biên theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05/11/2019).*

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại Phan Ngọc M có kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

Nơi nhận
- *TANDTP.Hà Nội;*
- *VKSNDTP.Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THA. DS quận Long Biên;*
- *Cơ quan THA.HS quận Long Biên;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP/TA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**